

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20-01-2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Phi Công

Bà Nguyễn Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Dung - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 830/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Ánh N, sinh năm: 1997

Địa chỉ: ấp L, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh Phạm Lê Minh T, sinh năm: 1997

Địa chỉ: ấp C, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Võ Thị Ánh N trình bày: Chị và anh Phạm Lê Minh T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2021, đến năm 2022 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Cuộc sống chung của anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh chị đã không còn sống chung với nhau từ tháng 5/2024 đến nay. Quá trình không sống chung, anh chị mạnh ai người đó sống, không ai quan tâm đến ai, chị và con chung đang sống tại nhà cha mẹ ruột chị tại ấp L, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai; còn anh T sống tại nhà của anh T tại ấp C, xã X, huyện

X, tỉnh Đồng Nai. Hiện nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, cuộc sống hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: anh chị có 01 con chung là Phạm Hoàng Ngọc N1, sinh ngày: 14/8/2022. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N1 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: anh chị không có nợ chung.

Chị xin được vắng mặt tại phiên tòa.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Lê Minh T trình bày:*
Anh thống nhất với lời trình bày của chị N về điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Quá trình chung sống, anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã. Anh chị không còn chung sống với nhau từ tháng 5/2024 đến nay, từ đó anh chị không còn quan tâm đến nhau, không chăm sóc nhau, cuộc sống của ai người đó lo. Anh nhận thấy hiện nay tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; tuy nhiên anh là người theo đạo Thiên chúa nên anh không đồng ý ly hôn với chị N. Trường hợp chị N cương quyết ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: anh chị có 01 con chung là Phạm Hoàng Ngọc N1, sinh ngày: 14/8/2022. Trường hợp phải ly hôn, anh đồng ý giao cháu N1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con vì chị N không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: anh chị không có nợ chung.

Anh xin được vắng mặt tại phiên tòa.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cơ bản đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: căn cứ các Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, chị N được ly hôn với anh T. Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Hoàng Ngọc N1 cho chị N nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con: chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: đề nghị không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên

tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Võ Thị Ánh N và anh Phạm Lê Minh T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, do đó tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T và yêu cầu được nuôi con nên quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh T có nơi cư trú tại ấp C, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng: Chị N có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh T, nên xác định chị N là nguyên đơn, anh T là bị đơn.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T có đăng ký kết hôn vào năm 2022 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy: chị N trình bày, cuộc sống chung của anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh chị đã không còn sống chung với nhau từ tháng 5/2024 đến nay. Quá trình không sống chung, anh chị mạnh ai người đó sống, không ai quan tâm đến ai, chị và con chung đang sống tại nhà cha mẹ ruột chị tại ấp L, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai; còn anh T sống tại nhà của anh T tại ấp C, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Hiện nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, cuộc sống hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Anh T không đồng ý ly hôn với chị N, tuy nhiên anh T cũng thừa nhận anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã. Anh chị không còn chung sống với nhau từ tháng 5/2024 đến nay, từ đó anh chị không còn quan tâm đến nhau, không chăm sóc nhau, cuộc sống của ai người đó lo. Anh T cũng thừa nhận rằng: hiện nay tình cảm vợ chồng anh chị đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Tuy nhiên anh là người theo đạo Thiên chúa nên anh không đồng ý ly hôn với chị N. Trường hợp chị N cương quyết ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Từ đó cho thấy, thấy tình trạng hôn nhân của chị N và anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của N là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung là cháu Phạm Hoàng Ngọc N1, sinh ngày: 14/8/2022.

Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N1. Xét thấy, cháu N1 còn

nhỏ, là con gái, cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ; đồng thời, hiện nay cháu N1 đang sống cùng với chị N, anh T đồng ý giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng nếu phải ly hôn; do đó nên tiếp tục giao cháu N1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị N và anh T không không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về nợ chung: Chị N và anh T trình bày anh chị không có nợ chung nên không giải quyết.

[8] Về án phí: Chị N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Về ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 56, Điều 81 Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Ánh N.

1. Chấp nhận cho chị Võ Thị Ánh N được ly hôn với anh Phạm Lê Minh T.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt và giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 19 tháng 01 năm 2022 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai cấp không còn giá trị pháp lý, kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Hoàng Ngọc N1, sinh ngày: 14/8/2022 cho chị Võ Thị Ánh N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Phạm Lê Minh T được quyền thăm nom con chung nhưng không gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Võ Thị Ánh N.

Khi cần thiết, chị Võ Thị Ánh N và anh Phạm Lê Minh T được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo vệ.

Về cấp dưỡng nuôi con: không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Võ Thị Ánh N tự nguyện nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0026298 ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc. Chị Võ Thị Ánh N đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND cấp xã;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Quỳnh Hương